

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13-7-2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trãi

2. Ông Hồ Minh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Cẩm N**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Thới P, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Người bảo vệ, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Đỗ Vinh Q**, Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu vực X, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn: Ông **Nguyễn Châu Chí C**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu vực Y, phường C, quận M, TP Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2020, có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh **Nguyễn Huy H**, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

3.2. Chị **Huỳnh Thị Tuyết H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: Tổ 5B, khu phố S, phường T, TX B, Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.3 Bà **Bùi Kim L**, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê: Chị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Thới P, thị trấn T, huyện T, TP Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 9/4/2020, 01/02/2021) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị N trình bày:

Qua tìm hiểu chị và anh Trần Thanh P đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn M, huyện M, TP Cần Thơ (cũ). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh P không lo làm ăn, không tin tưởng chị trong cuộc sống vợ chồng. Do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị N xin ly hôn với anh Trần Thanh P.

Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Huỳnh P, sinh ngày 02/9/2004. Chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Thanh P trình bày:

Anh P xác định quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và anh chỉ có một người con chung đúng như chị N đã trình bày. Về mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình như chị N trình bày là có, hai bên cũng có bất đồng quan điểm, cãi vã thường xuyên. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh P tự nguyện thống nhất thuận tình ly hôn với chị N. Anh P đồng ý giao con chung là Trần Huỳnh P, sinh ngày 02/9/2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh P có yêu cầu phản tố, yêu cầu chia tài sản vợ chồng khi ly hôn, cụ thể như sau:

Trong quá trình anh và chị N chung sống từ năm 2003-2020, tất cả tiền kiếm được anh đều đưa cho vợ giữ, những năm mới cưới thu nhập mỗi năm khoảng 20.000.000 đồng – 30.000.000 đồng, thời gian gần đây thì mỗi tháng 5.000.000 đồng - 10.000.000 đồng, giao hết cho vợ, nên vợ chồng tích góp được hơn 01 tỷ đồng, đã mua được phần nhà, đất trị giá 470.000.000 đồng với diện tích 40m² tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số CH03626 ngày 24/1/2019 đứng tên Huỳnh Thị H, chỉnh lý biến động chuyển nhượng đứng tên Huỳnh Thị Cẩm N. Đất tọa lạc tại KDC, khu vực T, phường L, quận M, TP Cần Thơ. Việc mua nhà đất này anh là người trực tiếp đi tìm nhà đất để mua, khi trả tiền thì Chị N là người trực tiếp giao nhận mua bán, cũng là người đi làm giấy tờ nhà đất, do tin tưởng nên anh P không ký tên, không yêu cầu cùng đứng tên chung trong giấy tờ nhà đất. Nhưng thực tế là tài sản hình thành từ tiền chung mà vợ chồng anh chị làm được. Nay anh yêu cầu chia đôi nhà đất, nếu chị N nhận nhà đất thì thôi trả tiền cho anh P.

Ngoài ra, còn số tiền mặt là hơn 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), Chị N gửi trong ngân hàng Sacombank, Vietcombank theo như 02 biên lai nộp tiền ngày 25/3/2019 và biên lai ngày 03/4/2019. Tuy nhiên, anh P chỉ yêu cầu chia tài sản chung đôi với số tiền 300.000.000 đồng, yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền này, mỗi người được 150.000.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Nợ chung: anh xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Huy H và chị Huỳnh Thị Tuyết H trình bày:

Năm 2018 chị H (vợ anh H) có giao cho mẹ ruột là bà Bùi Kim L số tiền 470.000.000 đồng để nhờ em gái là chị N mua nhà đất tại Cần Thơ nên thực tế nhà đất này là của vợ chồng anh H và chị H, không phải của N. Nay vợ chồng N, P ly hôn và anh P có yêu cầu chia tài sản là nhà đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, giấy chứng nhận QSD đất số CH03626 ngày 24/01/2019, đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, TP Cần Thơ thì anh chị không đồng ý với yêu cầu của anh P. Anh H và chị H có yêu cầu độc lập, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44 theo Giấy nhận QSD đất số CH03626 ngày 24/01/2019, đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, TP Cần Thơ là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh chị.

Ngày 09/6/2022, anh Nguyễn Huy H và chị Huỳnh Thị Tuyết H có đơn xin rút yêu cầu độc lập, rút toàn bộ yêu cầu đối với yêu cầu độc lập ngày 13/01/2022, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến phần nhà, đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận QSD đất số CH03626 ngày 24/1/2019, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm N.

*** Bà Bùi Kim L trình bày:**

Năm 2018, con gái bà Huỳnh Thị Tuyết H có giao cho bà 470.000.000 đồng tiền mặt để cầm về Cần Thơ đưa cho N mua đất giùm, bà đã giao tiền cho N. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, ngoài ra bà không có ý kiến gì, không tranh chấp gì liên quan đến vụ án, không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa: Chị N và anh Trần Thanh P tự nguyện thỏa thuận thống nhất, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N và anh Trần Thanh P thuận tình ly hôn.

Về con chung: thống nhất giao con chung Trần Huỳnh P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P rút yêu cầu chia tài sản đối với số tiền chị N đứng tên gửi tại ngân hàng như trình bày trên, do số tiền này chị N đã rút tiêu xài cho gia đình, hiện nay không còn trong tài khoản, vợ chồng không còn tài sản chung là số tiền này.

Chị N và anh P thống nhất xác định vợ chồng anh chị có tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận QSD đất số CH03626 do UBND quận M cấp ngày 24/1/2019, đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, TP Cần Thơ. Anh chị thống nhất giá nhà là: 161.196.000 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) theo kết quả định giá thị trường của công ty TNHH đầu tư dịch vụ thẩm định giá Đông Á; giá đất là 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), tổng giá trị nhà đất đang tranh chấp là 611.196.000 đồng (*Sáu trăm mười một triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Chị N và anh P thống nhất thỏa thuận chị N nhận nhà và đất, có nghĩa vụ giao trả lại cho anh P số tiền 350.000.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung hay nợ chung nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận M phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn Chị N yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Thanh P. Bị đơn có yêu cầu phản tố chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Bị đơn cư trú tại khu vực X, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ. Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh Trần Thanh P đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2003 tại UBND thị trấn M, huyện M,

thành phố Cần Thơ (cũ), nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] *Hội đồng xét xử nhận thấy*: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét anh P, chị N đều cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh chị thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật nên được công nhận theo quy định tại Điều 19, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Xét về con chung*: Anh chị xác định có 01 con chung, họ và tên là Trần Huỳnh P, sinh ngày 02/9/2004. Xét hiện nay con chung đang sống ổn định với chị N và con có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Anh P, chị N thống nhất thỏa thuận giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để tránh xáo trộn trong cuộc sống của con, ghi nhận sự tự thỏa thuận của đương sự, xét đề nghị kiểm sát viên giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở anh P thực hiện quyền này. Chị N không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Anh P và chị N thống nhất tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại thửa số 123, tờ bản đồ số 44, diện tích 40m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03626 do UBND quận M cấp ngày 24/01/2019 đứng tên Huỳnh Thị H. Ngày 06/5/2019 được chỉnh lý biến động đứng tên chủ sử dụng đất Huỳnh Thị Cẩm N, đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ. Anh P, chị N thống nhất tổng giá trị nhà và đất theo giá thị trường là: 611.196.000 đồng (*Sáu trăm mười một triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). chị N và anh P thống nhất thỏa thuận chia như sau: chị N tiếp tục sử dụng nhà và đất nhưng chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh P giá trị mà anh được hưởng số tiền là 350.000.000 đồng. Xét thỏa thuận chia tài sản chung giữa anh chị như

trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên được công nhận.

Đối với số tiền trong tài khoản tại ngân hàng như anh P trình bày nay anh chị xác định chị N đã rút tiêu xài cho gia đình nên anh chị không còn tài sản chung là số tiền này và không yêu cầu chia, ngoài ra anh chị không yêu cầu chia đối với tài sản chung nào khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Ngày 9/6/2022, anh Nguyễn Huy H và chị Huỳnh Thị Tuyết H có đơn yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập trong vụ án, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận nhà, đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03626 ngày 24/01/2019, đứng tên Huỳnh Thị Cẩm N thuộc quyền sử dụng của anh chị. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập trong vụ án của anh H và chị H là tự nguyện, không bị ép buộc nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của anh chị.

[7] *Về Nợ chung*: các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Quan điểm đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có cơ sở chấp nhận.

[9] Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, trích đo địa chính, định giá thị trường tổng cộng số tiền là 9.354.000 đồng (*Chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng*), anh chị không thỏa thuận được. Do kết quả đo đạc, giám định làm căn cứ để anh chị thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng nên anh P và chị N mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này, tương đương số tiền là 4.677.000 đồng. Anh P đã nộp đủ 9.354.000 đồng (*Chín triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn đồng*) và đã chi xong. Do đó, chị N có nghĩa vụ giao trả lại cho anh P chi phí này số tiền là 4.677.000 đồng (*Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*).

[10] *Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm*:

Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản theo giá ngạch là $5\% \times 350.000.000 \text{ đồng} = 17.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng chị N phải nộp án phí là 17.575.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo

biên lai 011182 ngày 24/9/2020. Chị N phải nộp thêm 17.275.000 đồng tại Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ.

Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm anh P phải chịu theo quy định là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản theo giá ngạch là $5\% \times 350.000.000 \text{ đồng} = 17.500.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng anh P phải nộp án phí là 17.575.000 đồng, khấu trừ số tiền 13.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp theo biên lai 011358 ngày 18/11/2020. Anh P phải nộp thêm 4.575.000 đồng tại Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Huy H, bà Huỳnh Thị Tuyết H nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 246 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận chị N và anh Trần Thanh P thuận tình ly hôn.

2/ *Về con chung*: Giao con chung họ và tên là Trần Huỳnh P, sinh ngày 02/9/2004 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: không xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Trần Thanh P, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này.

3/ *Về tài sản chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Trần Thanh P và chị N về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Cụ thể như sau:

Chị N được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, diện tích 40m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03626

do UBND quận M cấp ngày 24/01/2019, đứng tên Huỳnh Thị H. Ngày 06/5/2019 chỉnh lý biên động đứng tên chủ sử dụng Huỳnh Thị Cẩm N; đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Chị N phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Thanh P số tiền là 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. *Nợ chung*: các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem giải quyết.

5. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập trong vụ án của anh Nguyễn Huy H và chị Huỳnh Thị Tuyết H đối với chị N và anh Trần Thanh P, về việc yêu cầu công nhận nhà và đất tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 44, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03626 do UBND quận M cấp ngày 24/01/2019, đứng tên Huỳnh Thị H, chỉnh lý biên động ngày 06/5/2019 đứng tên chủ sử dụng Huỳnh Thị Cẩm N; đất tọa lạc tại KDC B, khu vực T, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ thuộc quyền sử dụng của anh H và chị H.

6. Chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ, lấy trích đo địa chính, định giá thị trường tổng cộng anh P đã nộp là 9.354.000 đồng. Đã chi 9.354.000 đồng. Đã thu đủ và chi xong. Chị N có nghĩa vụ giao trả lại cho anh P tiền đo đạc, thẩm định là 4.677.000 đồng (*Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*).

6. Về án phí:

Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm chị N phải chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản là 17.500.000 đồng. Tổng cộng chị N phải nộp án phí là 17.575.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, chị N đã nộp theo biên lai 011182 ngày 24/9/2020. Chị N phải nộp thêm 17.275.000 đồng tại Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ.

- Án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm anh P phải chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản là 17.500.000 đồng. Tổng cộng anh P phải nộp án phí là 17.575.000 đồng, khấu trừ số tiền 13.000.000 đồng

tiền tạm ứng án phí, anh P đã nộp theo biên lai 011358 ngày 18/11/2020. Anh P phải nộp thêm 4.575.000 đồng tại Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Huy H, bà Huỳnh Thị Tuyết H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu 0003274 ngày 22/3/2022, tại Chi cục thi hành án Quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hồng Nương

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN